

Số: 151/2019/QĐST-HNGĐ

T, ngày 12 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 và Điều 90 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1083/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Hoàng Thị N**, sinh năm 1950; Địa chỉ: 72/23 đường N, Phường M, quận T, Tp.Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Trương Công T**, sinh năm 1942; Địa chỉ: 53/5 Ấp H, xã B, huyện M, Tp.Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy khai sinh của bà Trương Thị Kim A, sinh ngày 18/8/1970 là con chung của bà Hoàng Thị N và ông Trương Công T do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q trích sao ngày 20/8/2010 cùng với lời khai của bà N, ông T thì ông bà tự nguyện chung sống từ năm 1969, không có đăng ký kết hôn. Theo điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp; nay cả hai yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Trương Công T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới vào năm 1969. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trong cuộc sống hai vợ chồng ông bà không thể hàn gắn được nữa, bà N và ông T đã sống ly thân từ năm 1981 cho đến nay nên ông bà yêu cầu Tòa công nhận thuận tình ly hôn.

Tòa án xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến hai bên không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà N, ông T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 90 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Kim A – sinh năm 1970 (đã thành

niên).

[4] - Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[6] Về lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị N và ông Trương Công T cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị N và ông Trương Công T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Trương Thị Kim A, sinh năm 1970, con chung thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Hoàng Thị N và ông Trương Công T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Hoàng Thị N và ông Trương Công T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0037365 ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc